

SINH KẾ HIỆN NAY CỦA NGƯỜI THÁI TÁI ĐỊNH CƯ Ở HUYỆN QUỲNH NHAI, TỈNH SƠN LA

PHẠM QUANG LINH

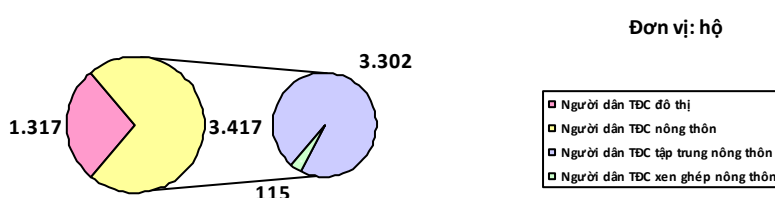
1. Giới thiệu về người Thái tái định cư tại huyện Quỳnh Nhai

Theo quy hoạch tổng thể của việc xây dựng nhà máy thủy điện Sơn La (TĐSL), huyện Quỳnh Nhai phải tổ chức di chuyển cho 8.402 hộ với 39.283 nhân khẩu, chiếm 42,56% khối lượng di dân toàn Dự án (Thủ tướng Chính phủ, 2014). Huyện đã đón nhận và tổ chức tái định cư (TĐC) nội huyện cho 5.325 hộ với 39.283 nhân khẩu vào 15 khu/96 điểm (UBND tỉnh Sơn La, 2016).

Trong số hơn 5.000 hộ nói trên, 413 hộ TĐC tự nguyện và 178 hộ TĐC theo Nghị định 197 của Chính phủ không thuộc phạm vi quản lý và chịu trách nhiệm của Dự án. Như vậy, số lượng hộ dân TĐC trên địa bàn huyện được khái quát như được thể hiện trong Biểu đồ 1.

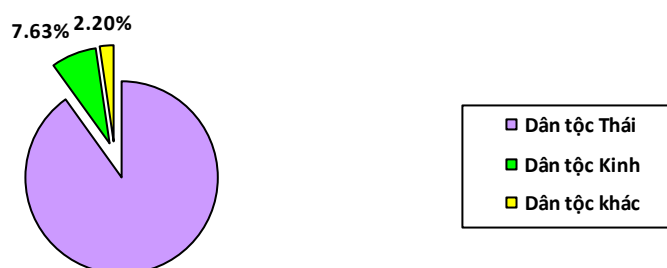
Trong tổng số người dân TĐC, hơn 90% là người dân tộc Thái; khoảng 7% là người dân tộc Kinh sinh sống tập trung ở thị trấn Phiêng Lanh; hơn 2% là người dân các dân tộc Hmông, Dao... sinh sống rải rác tại các điểm TĐC nông thôn (Biểu đồ 2).

Biểu đồ 1. Phân bố người dân TĐC trên địa bàn huyện



Nguồn: Quyết định số 875/QĐ-TTg (Thủ tướng Chính phủ 2014).

Biểu đồ 2. Thành phần dân tộc của người dân TĐC



Nguồn: Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng TĐC TĐSL (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 2014b).

Người Thái là tộc người nổi tiếng trong hoạt động trồng lúa nước với hệ thống tưới tiêu “mương, phai, lái, lịn”. Tuy nhiên, sau khi TĐC, hoạt động trồng lúa nước nói riêng và các hoạt động sinh kế khác của người Thái nói chung đã thay đổi mạnh mẽ. Nguyên nhân chính dẫn đến việc này là do các nguồn vốn sinh kế hiện nay của người dân đã có nhiều biến đổi so với trước TĐC.

2. Sự thay đổi các nguồn vốn sinh kế của người dân

Theo quan điểm sinh kế bền vững của Bộ Phát triển quốc tế Anh (DFID), sinh kế của người dân bị tác động bởi 5 nguồn vốn, đó là: vốn tự nhiên, vốn con người, vốn xã hội, vốn tài chính và vốn vật chất. Mỗi nguồn vốn lại được cấu thành từ rất nhiều yếu tố. Mỗi yếu tố lại có mức độ ảnh hưởng khác nhau đến hoạt động sinh kế của người dân. Trong phạm vi bài viết này, tác giả chỉ lựa chọn trong mỗi nguồn vốn một số yếu tố đặc trưng nhất và đang tác động mạnh mẽ nhất tới sinh kế của người dân TĐC huyện Quỳnh Nhai để trình bày và phân tích.

2.1. Vốn tự nhiên

Thời tiết, khí hậu, nguồn nước: Do người dân TĐC nội huyện nên không có nhiều sự khác biệt giữa thời tiết, khí hậu trước và sau TĐC. Tuy nhiên, các điểm TĐC không có hoặc rất hạn chế về nguồn nước sản xuất so với nơi ở cũ. Điều này dẫn tới những khó khăn cho người dân trong việc triển khai các hoạt động sản xuất, đặc biệt là trồng lúa nước.

Đất thổ cư: Người dân trước kia có diện tích đất thổ cư khá lớn, nhiều hộ có diện tích đất thổ cư lên tới hàng nghìn m². Hiện nay, mỗi hộ dân TĐC khu vực nông

thôn được cấp khoảng 400m². Người dân TĐC đô thị tại thị trấn Phiêng Lanh có thể nhận được 100 - 300m² tùy thuộc vị trí thửa đất. Trước kia, người dân thường trồng rau hoặc các loại cây ăn quả trên đất thổ cư xung quanh nhà. Ngày nay, diện tích đất thổ cư giảm mạnh dẫn tới diện tích trồng trọt và sản lượng rau quả của người dân cũng giảm sút.

Đất sản xuất: Để phục vụ xây dựng nhà máy TĐSL, bình quân mỗi hộ dân TĐC bị thu hồi 1,79ha đất sản xuất nhưng chỉ được giao lại 1,03ha (UBND huyện Quỳnh Nhai, 2016). Diện tích đất sản xuất của người dân bị thu hẹp trong khi chất lượng đất kém hơn so với trước. Đa số người dân TĐC phải di chuyển tới nơi ở mới có địa hình cao hơn, độ dốc lớn hơn và chất lượng đất xấu hơn, không thuận lợi cho phương thức canh tác truyền thống so với nơi ở cũ (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2014a). Diện tích đất bị thu hẹp, chất lượng đất giảm đi là tác nhân lớn nhất dẫn tới hoạt động sản xuất trên đất cũng như chiến lược sử dụng đất của người dân phải thay đổi.

2.2. Vốn con người

Giáo dục: Trước đây việc đi lại khó khăn, kinh tế của người dân cũng còn thấp khiến nhiều học sinh không được đến trường. Hiện nay, nhờ có chính sách của Nhà nước và điều kiện giao thông, trường lớp thuận lợi nên tỷ lệ trẻ em tại các điểm TĐC đến tuổi đi học được đến trường đã đạt 100%. Tỷ lệ phổ cập giáo dục tiểu học ở vùng TĐC đạt 99,85%. Tỷ lệ phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt 98,26%. Tỷ lệ người dân TĐC biết chữ đạt 89,6% (UBND huyện Quỳnh Nhai, 2016). Trình độ học vấn của trẻ em và thanh thiếu niên tăng lên là cơ sở để những thế hệ tiếp theo của người dân TĐC

có nhận thức tốt hơn, từ đó có thể triển khai những hoạt động sinh kế mới, những hoạt động sinh kế cần nền tảng kiến thức cao.

Đào tạo, tập huấn chuyên môn: Dự án đã đào tạo chuyên môn cho 4.217 người, tổ chức tập huấn về khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư cho 4.021 người. Trung bình mỗi hộ TĐC đều có 1 người được tập huấn (UBND tỉnh Sơn La, 2016, tr. 145). Thông qua tập huấn, người dân ở các điểm TĐC đã nắm bắt tốt hơn các mô hình trồng trọt, chăn nuôi mới như trồng ngô lai, sản cao sản, nuôi lợn nái, cá lồng... Từ đó, giúp nhân rộng những mô hình sản xuất này trong cộng đồng người dân TĐC.

Y tế, sức khỏe: Đa số người dân cho biết sức khỏe của họ hiện nay tốt hơn so với trước đây. Nguyên nhân được lý giải bởi nơi ở mới sạch sẽ, vệ sinh hơn trước và khả năng người dân tiếp cận các dịch vụ y tế dễ dàng hơn. Ngoài ra, một người dân cho biết “Trước đây đất đai nhiều, phải làm quần quật cả ngày; giờ đất ít, công việc ít và đã áp dụng khoa học kỹ thuật nên ngày chỉ còn làm nửa buổi. Nhiều hộ trước đây phải ở lại lán trại hàng tháng để phục vụ thu hoạch hoặc chăn trâu bò, từ đó dễ bị cảm lạnh hoặc bị muỗi và côn trùng đốt gây bệnh. Giờ người dân chăn nuôi chuồng trại ngay sát nhà nên không phải đi xa, không còn ốm đau như vậy nữa”.

2.3. *Vốn xã hội*

Quan hệ cộng đồng: Mọi quan hệ cộng đồng của người dân TĐC hiện nay khá ổn định và tốt đẹp. Quan hệ được gìn giữ khi người dân giúp đỡ nhau làm nhà, hỗ trợ nhau khi khó khăn, chia sẻ kinh nghiệm gieo trồng, sản xuất, chăn nuôi trong quá trình

TĐC. Người Thái là tộc người vẫn giữ được bản tính hiền lành chân thật nên dễ hòa đồng với những người “hàng xóm” mới.

Quan hệ gia đình, dòng họ: Trong quá trình TĐC, nhiều gia đình, dòng họ phải ly tán, xa cách nhau về khoảng cách địa lý khiến việc giúp đỡ nhau trở nên khó khăn hơn đôi chút. Tuy nhiên, người Thái TĐC luôn có xu hướng duy trì, giữ gìn và củng cố những mối quan hệ dòng họ. Điều này thể hiện qua việc người dân TĐC thường xuyên liên hệ với người thân của mình, quay trở lại thăm gia đình, họ hàng tại nơi ở cũ, hay vẫn sắp xếp thời gian đi thăm người thân ở xã khác, huyện khác.

Quan hệ tộc người: Mâu thuẫn tranh chấp đất đai trong nội bộ bản TĐC, giữa người dân các bản TĐC với nhau và giữa người dân TĐC với người dân sở tại đang là vấn đề nổi cộm tại huyện Quỳnh Nai. Tranh chấp đất đai diễn ra mạnh nhất tại các điểm TĐC di vén. Nguyên nhân của sự việc là do các hộ dân yêu cầu Dự án phải đền bù cho họ diện tích đất ở trên cốt ngập 218m. Nhiều hộ dân lấy lý do này để giữ lại đất, không chịu giao cho các hộ khác sản xuất. Điều này tạo ra phản ứng dây chuyền. Những người dân “không lấy được đất của mình” lại tiếp tục “giữ đất của người khác”, khiến mâu thuẫn trở nên phức tạp. Người dân tại những điểm TĐC này hiện đang sử dụng đất chông chéo của nhau. Chẳng hạn, ở bản Bìa đang có 27 hộ thừa đất với diện tích đất thừa ra là 64.863,1m² nhưng đồng thời cũng có 30 hộ đang thiếu đất với diện tích đất bị thiếu là 84.635m². Bên cạnh đó, do khi di chuyển vén lên thì ranh giới giữa các bản chưa rõ ràng nên giữa các bản di vén cũng xâm canh lẫn nhau. Ví dụ, bản Bìa có 6

hộ xâm canh sang bản Bó Ban với diện tích là 14.742,7m²; ngược lại, bản Bó Ban có 8 hộ xâm canh sang bản Bĩa với diện tích là 16.979,2m². Ban Quản lý Dự án TĐC huyện Quỳnh Nhai cho biết, trên toàn huyện hiện có khoảng 6.000 đơn thư khiếu nại của người dân về vấn đề đền bù đất. Huyện đã thành lập đoàn công tác đi xác minh hơn 200 trường hợp nhưng người dân đều không chứng minh được những khiếu nại của mình là chính xác¹. Do đó, hướng giải quyết của huyện hiện giờ là tích cực tuyên truyền để người dân hiểu được rằng huyện đã thực hiện đúng chính sách đền bù của Dự án, vận động người dân rút lại đơn kiện. Đồng thời, huyện cũng đang trao đổi với Ban Quản lý dự án TĐC của tỉnh để tìm ra những phương án xử lý phù hợp nhằm chấm dứt tình trạng khiếu nại kéo dài, từ đó có thể dẫn đến những hệ lụy khó lường trước.

2.4. *Vốn vật chất*

Nhà ở: Tại các điểm TĐC, đa số người dân vẫn lựa chọn sinh sống trong ngôi nhà sàn Thái truyền thống. Tỷ lệ người dân TĐC hiện đang sống trong nhà sàn ở huyện Quỳnh Nhai là 97,1% (Phạm Văn Lợi, 2014, tr. 289). Tuy nhiên, nếu như trước đây người dân chủ yếu sống trong những ngôi nhà gỗ “đơn sơ” thì hiện nay hầu hết người dân đã sống trong những ngôi nhà gỗ khang trang. Nhiều ngôi nhà được đầu tư tu sửa, dựng mới với số tiền lên đến hàng trăm triệu đồng. Nhà ông Lò Văn Chính, nhà ông Lò Văn Tạo ở bản Co Trạn mới sửa lại hết 300 - 500 triệu đồng². Nhà ở sạch sẽ, thoáng mát

giúp sức khỏe người dân được đảm bảo. Việc “an cư” cũng giúp người dân có thêm động lực, niềm tin khi “lập nghiệp”.

Tài sản có giá trị trong nhà: Số lượng tài sản và tiện nghi sinh hoạt có giá trị trong nhà người dân TĐC đều tăng lên so với trước. Xe máy hiện là phương tiện đi lại không thể thiếu của người dân. Điện thoại di động cũng trở thành phương tiện liên lạc bất ly thân. Đặc biệt, số lượng điện thoại di động tăng gấp 3 lần từ 0,4 chiếc/hộ lên 1,2 chiếc/hộ (Phạm Văn Lợi, 2014, tr. 289). Tỷ lệ người dân có tủ lạnh tại một số bản như bản Bĩa, Co Trạn, Nghe Toong... lên tới hơn 50%. 100% các hộ gia đình bản Nghe Toong đều có tủ lạnh. Toàn bản có hơn 220 xe máy, bình quân mỗi nhà 2 xe. Thậm chí, nhiều hộ trong bản còn có ô tô con, ô tô tải, thuyền máy trị giá hàng trăm triệu. Sử dụng xe máy, ô tô, thuyền máy khi đi lại giúp người dân giữ được sức khỏe thay vì phải đi bộ mệt mỏi như trước đây. Bên cạnh đó, phương tiện giao thông thuận tiện giúp người dân dễ dàng tiếp cận các dịch vụ sản xuất như mua giống, mua phân, bán sản phẩm... Các đồ vật trong nhà như tủ lạnh, máy lọc nước... giúp nâng cao chất lượng sống, đảm bảo sức khỏe của người dân. Điện thoại giúp người dân dễ dàng hơn trong việc tăng cường các mối quan hệ giao thương với bên ngoài cũng như trong việc thăm hỏi nhau. Không những vậy, hiện nay nhiều hộ dân TĐC đã mua và sử dụng các máy nông cơ hiện đại để phục vụ sản xuất, giảm lao động chân tay, tăng năng suất công việc.

Giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt, điện sinh hoạt: Tổng số tiền Dự án đầu tư cho các hạng mục trên tại địa bàn huyện Quỳnh Nhai lên tới 2.168,4 tỷ. Số tiền đầu tư này đã mang lại kết quả tích cực. Nếu như trước đây, đường sá người dân đi lại rất khó

¹ Thông tin do Ban quản lý Dự án TĐC của huyện trao đổi trong buổi làm việc.

² Người dân cho biết số tiền này chỉ là tiền công và tiền mua vật liệu xây dựng, chưa tính tiền gỗ.

khăn, thậm chí không thể đi lại trong mùa mưa thì nay đường xi măng đã được làm tới tận từng điểm TĐC. Nhiều khu TĐC được đầu tư xây dựng trạm y tế mới như khu TĐC xã Chiềng Ôn, khu TĐC xã Mường Giôn... Tỷ lệ người dân TĐC được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế đạt 18,57%. Tỷ lệ người dân TĐC được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100% (UBND tỉnh Sơn La, 2016, tr. 145). Nếu như trước đây rất ít người dân được sử dụng điện thì hiện nay 97,93% người dân TĐC đã được dùng điện lưới quốc gia (UBND huyện Quỳnh Nhai, 2016, tr. 8). Điện lưới là một trong những yếu tố tiên quyết làm thay đổi cuộc sống của người dân. Có điện, người dân có thể nghe đài, xem ti vi, từ đó giúp tinh thần thoải mái, đồng thời có thể xem và học hỏi từ những chương trình hướng dẫn chăn nuôi, trồng trọt. Có điện, người dân mới có thể sử dụng máy móc để giảm lao động chân tay, tăng hiệu quả sản xuất...

2.5. *Vốn tài chính*

Tại huyện Quỳnh Nhai, khoảng 70% hộ dân nhận tiền đền bù ở mức 100 - 300 triệu đồng/hộ. Cá biệt, có những hộ số tiền đền bù có thể lên đến tiền tỷ như một số hộ ở bản Púa, bản Muôn A... Nhờ số tiền này mà nhiều hộ dân đã có nguồn vốn, từ đó mạnh dạn đầu tư sản xuất. Tại nơi ở mới, việc buôn bán của người dân cũng thuận tiện hơn trước giúp người dân linh hoạt trong nguồn tiền mặt, từ đó dễ dàng hơn trong việc mua bán hàng hóa phục vụ cuộc sống hàng ngày. Hiện nay người dân cũng không gặp nhiều khó khăn khi ra xã, ra huyện vay tiền để đầu tư sản xuất. Người dân muốn được vay chỉ cần để lại giấy sở hữu quyền sử dụng đất thổ cư của hộ gia đình thì sẽ được các tổ chức

tín dụng cho vay từ 50 đến 100 triệu đồng. Những hộ có nhà xây khang trang còn có thể vay được ở mức cao hơn.

3. *Thay đổi trong hoạt động sinh kế của người dân*

Cùng với sự thay đổi của 5 nguồn vốn, sinh kế của người dân hiện nay đã có nhiều biến đổi so với trước khi TĐC.

3.1. *Những thay đổi trong hoạt động nông nghiệp*

Sử dụng các giống cây mới trong trồng trọt, chuyển sang trồng các loại cây hàng hóa: Do nguồn vốn tự nhiên thay đổi, giảm sút so với trước, người dân phải tìm cách thích nghi, bù đắp bằng việc sử dụng các loại giống phù hợp với điều kiện tự nhiên mới. Bên cạnh đó, với sự định hướng của Dự án, người dân đang chuyển từ nền nông nghiệp tự cung tự cấp sang nông nghiệp hàng hóa, trồng ngô lai, sắn cao sản... để bán. 100% người dân cũng dành một diện tích để trồng cao su theo quy hoạch của tỉnh. Diện tích trồng cao su phụ thuộc vào diện tích người dân được chia và định hướng sử dụng đất của từng hộ TĐC.

Sản lượng thấp hơn trước: Đa số người dân TĐC khi được hỏi đều cho biết do diện tích đất ít hơn và chất lượng đất xấu hơn nên sản lượng thu hoạch của người dân hiện nay thấp hơn so với trước.

Phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, máy móc được sử dụng nhiều hơn: Nhờ vốn vật chất (ti vi, đài...) và vốn xã hội (học vấn, trình độ dân trí...) tăng lên, người dân tiếp cận và tiếp thu tốt hơn các kiến thức khoa học kỹ thuật hiện đại. Bên cạnh đó, nhờ có vốn tài chính mà người dân có nguồn tiền để đầu tư mua phân bón, thuốc trừ sâu... để tăng năng suất cây trồng.

Chuyển từ trồng trọt sang chăn nuôi: Do trồng trọt không còn hiệu quả cao như trước đây nên người dân đang chuyển đổi mạnh mẽ từ việc trồng cây lương thực sang trồng cây hàng hóa và lấy trồng trọt để phục vụ chăn nuôi. Trước đây, người dân trồng ngô, sắn giống địa phương và sản phẩm thu hoạch được chủ yếu phục vụ nhu cầu lương thực. Hiện nay, đa số người dân đã chuyển sang trồng ngô, sắn giống mới (ngô lai, sắn cao sản...) và sản phẩm thu hoạch được bán cho thương lái đến tận nơi thu mua hoặc dùng làm thức ăn phục vụ nuôi bò, lợn, dê... Thậm chí, một số hộ dân do nhà neo người, đất được chia ít đã sử dụng toàn bộ diện tích để trồng sắn, trồng cỏ làm thức ăn chăn nuôi.

Những mô hình chăn nuôi mới đang phát triển: Mô hình nuôi cá lồng và nuôi lợn thịt đang là hai mô hình phát triển mạnh mẽ nhất tại huyện trong khoảng 3 năm trở lại đây. Mô hình này được Ban Quản lý Dự án TĐC huyện Quỳnh Nhai định hướng cho người dân khi lòng hồ thủy điện đã tích nước và có cơ chế vận hành ổn định. Hiện trên địa bàn huyện có 206 hộ nuôi 496 lồng cá, chiếm 85,66% số lồng cá toàn tỉnh. Trung bình mỗi hộ dân TĐC nuôi khoảng 3 con lợn/hộ (UBND tỉnh Sơn La, 2016). Thu nhập từ nuôi cá lồng hoặc nuôi lợn đem lại cho những hộ chăn nuôi khoảng 40 - 60 triệu đồng/năm. Số tiền này khá dư dả để người dân có thể mua lương thực, thực phẩm và trang trải cuộc sống.

3.2. Những thay đổi trong hoạt động phi nông nghiệp

Thay đổi trong hái lượm, săn bắn: Diện tích rừng giảm mạnh, thậm chí nhiều bản TĐC không được giao rừng. Chính vì thế, sản phẩm đến từ rừng của người dân nay

chỉ còn rất ít hoặc gần như không còn. Đa phần người dân TĐC cho biết hiện giờ họ chủ yếu vào rừng lấy củi.

Thay đổi trong hoạt động trao đổi, mua bán: Hiện người Thái TĐC đã và đang thích nghi với nền kinh tế thị trường. Tại các điểm TĐC đều có hộ dân mở cửa hàng tạp hóa phục vụ người dân trong bản. Đa phần những hộ dân trước đây có buôn bán thì tới nơi ở mới đều tiếp tục công việc này do đã có sẵn vốn và kinh nghiệm. Bên cạnh đó, do nơi ở mới đường giao thông thuận tiện nên khá nhiều hộ dân khi được TĐC sát mặt đường cũng cố gắng tận dụng lợi thế của mình để mở cửa hàng. Người dân cũng thường xuyên mang sản phẩm ra chợ phiên, chợ xã, chợ huyện... để bán. Sản phẩm buôn bán có thể là rau củ, hoa quả, gia cầm (gà, vịt...) nhưng cũng có thể là gia súc (lợn, dê...).

Thay đổi trong nghề thủ công: Các ngành nghề thủ công truyền thống của người Thái đang ngày càng mai một do không còn phù hợp với bối cảnh hiện nay. Các nghề làm gốm, nghề rèn, nghề bạc... gần như không còn tồn tại. Giao thông thuận lợi và kinh tế hàng hóa phát triển khiến việc mua bán những sản phẩm thủ công phục vụ cuộc sống trở nên hết sức dễ dàng.

3.3. Nhiều hoạt động sinh kế mới xuất hiện

Thích nghi với môi trường sinh sống mới và sự phát triển kinh tế chung của toàn xã hội, người dân TĐC hiện đang có những nghề mới mà trước khi TĐC họ chưa bao giờ làm.

Người dân TĐC tại thị trấn Phiêng Lanh hiện đang có những hoạt động sinh kế mới. Với phụ nữ, phổ biến là chạy chợ, tức

mua gom rau củ quả hoặc thực phẩm từ các hộ dân rồi mang ra chợ bán. Các chị em cho biết trung bình mỗi ngày chạy chợ cũng kiếm được khoảng 200 - 300 nghìn đồng. Với đàn ông, họ thường làm những công việc nặng nhọc hơn như chạy xe ôm, bốc vác... Nhìn chung, họ nhận lời làm tất cả các công việc mà bản thân có thể làm. Thu nhập của những công việc kể trên thường dao động trong khoảng 100 - 200 nghìn đồng/ngày. Số tiền này đủ để người dân mua lương thực, thực phẩm cho gia đình. Bên cạnh đó, một số hộ tận dụng địa thế sát mặt đường để mở các cửa hàng kinh doanh, dịch vụ như cửa hàng may, cửa hiệu cắt tóc gội đầu, mở cửa hàng photo...

Với người dân TĐC nông thôn, tất cả các hộ đều đang góp đất vào công ty cao su và sẽ được chia cổ tức khi cao su ra mủ. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại thì toàn bộ cao su tại huyện vẫn chưa đủ điều kiện thu hoạch. Một số người dân thỉnh thoảng ra huyện hoặc tỉnh làm thuê trong những dịp nông nhàn hoặc khi nhà thiếu tiền.

3.4. Kết quả sinh kế của người dân hiện nay so với trước

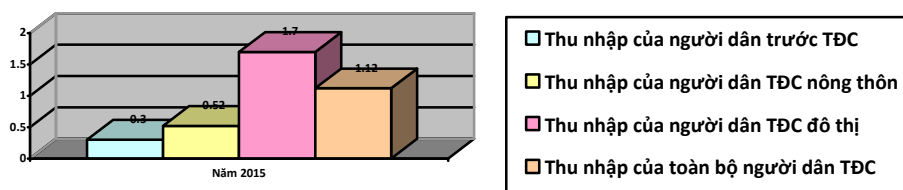
Thu nhập: Vượt qua thời gian đầu khó khăn, hiện nay đa số người dân đã ổn định cuộc sống. Thu nhập của họ tăng lên đáng kể so với thời điểm trước khi TĐC (Biểu đồ 3).

Nếu như tại thời điểm năm 2015 thu nhập của người dân chỉ đạt 0,3 triệu đồng/người/tháng thì đến cuối năm 2015 con số này đã đạt 1,12 triệu đồng/người/tháng, tức gấp gần 4 lần so với trước. Quy đổi giá tiền theo mức lạm phát hàng năm thì thu nhập của người dân vẫn tăng khoảng 1,5 lần so với trước TĐC³. Bên cạnh đó, thu nhập của người dân TĐC đô thị cao hơn nhiều so với người dân TĐC nông thôn. Nguyên nhân của vấn đề là do người dân TĐC tại thành thị có nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm và số tiền họ kiếm được thường ở mức cao hơn so với khu vực nông thôn.

Tỷ lệ hộ nghèo: Song song với sự tăng lên về thu nhập, tỷ lệ nghèo cũng giảm mạnh (xem Biểu đồ 4).

Biểu đồ 3. Thu nhập bình quân của người dân TĐC

Đơn vị: Triệu đồng/người/tháng

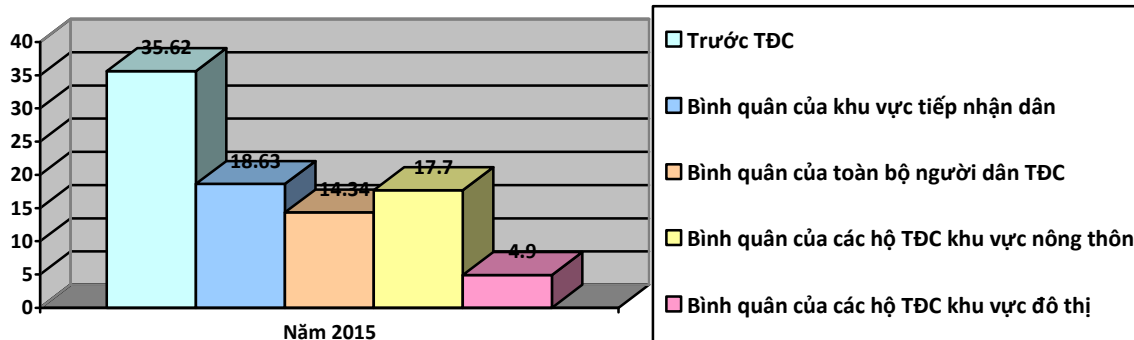


Nguồn: Báo cáo tổng kết dự án di dân, TĐC TĐSL tỉnh Sơn La (Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, 2016).

³ Tính theo mức lạm phát thì 0,3 triệu của năm 2005 tương đương khoảng 0,73 triệu của năm 2015.

Biểu đồ 4. Tỷ lệ hộ nghèo của người dân TĐC năm 2015

Đơn vị: %



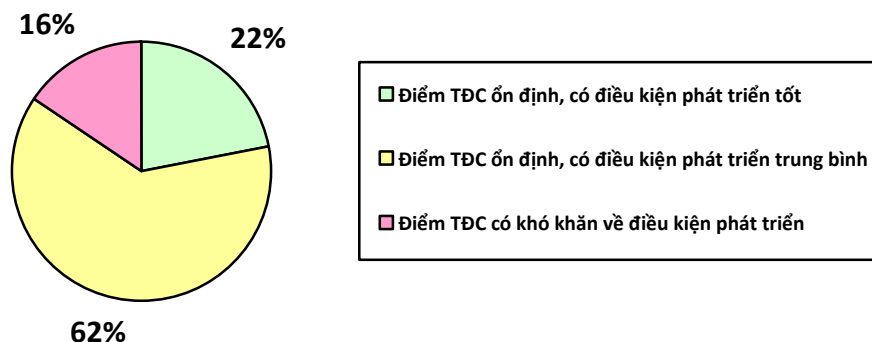
Nguồn: Báo cáo tổng kết dự án di dân, TĐC TĐSL tỉnh Sơn La (Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, 2016).

Nếu như trước TĐC tỷ lệ hộ nghèo của người dân trên địa bàn huyện lên tới 35,62% thì đến cuối năm 2015 con số này đã giảm hơn một nửa, chỉ còn 14,34%. Ngoài ra, tỷ lệ hộ nghèo của người dân TĐC cũng thấp hơn so với tỷ lệ hộ nghèo của nơi tiếp nhận dân TĐC. Điều này cho thấy dường như người dân TĐC đang thích nghi và phát triển tốt hơn cả người dân sở tại, các chính sách hỗ trợ, đền bù, tạo điều kiện của Nhà

nước với người dân TĐC đang đi đúng hướng. Tỷ lệ nghèo ở khu vực thành thị chỉ còn 4,9% phù hợp với thu nhập tăng mạnh của người dân khu vực này.

Độ ổn định và khả năng phát triển của các điểm tái định cư: Nhằm nắm bắt tình hình cuộc sống của người dân TĐC, năm 2015 Dự án đã đánh giá và phân loại các điểm TĐC. Kết quả được thể hiện trong Biểu đồ 5 dưới đây.

Biểu đồ 5. Phân loại các điểm TĐC trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai



Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác di dân, TĐC TĐSL (UBND huyện Quỳnh Nhai, 2016).

Kết quả cho thấy, 84% các điểm TĐC đã cơ bản ổn định và sẽ tiếp tục phát triển, chỉ còn 16% (15 điểm TĐC) đang gặp khó khăn. 15 điểm TĐC này gồm 10 điểm TĐC nông thôn di chuyển muộn nhất ở xã Chiềng Bằng và 5 điểm TĐC đô thị (bản Phiêng Nèn 1, 2, 3, bản Nghe Tổng, bản Châu Quân).

Kết luận

Trong giai đoạn đầu của công cuộc TĐC, không thể phủ nhận rằng, cuộc sống của người dân chưa ổn định và còn gặp nhiều khó khăn do chưa thích nghi với nơi ở mới. Tuy nhiên, hiện tại cuộc sống của người dân TĐC đã và đang phát triển theo hướng khá tích cực. Thu nhập của người dân tăng lên so với trước, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh và khả năng tỷ lệ nghèo sẽ còn tiếp tục giảm khi công thức tính chuẩn nghèo đa chiều sẽ được áp dụng từ năm 2016. Cùng với sự tiếp tục quan tâm của Đảng và Nhà nước dành cho người dân TĐC, chắc chắn cuộc sống của người dân sẽ ngày càng được cải thiện và nâng cao. Đặc biệt, hiện nay đề án “Ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La” đang được Chính phủ giao cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư khẩn trương hoàn thiện công tác thẩm định. Sau khi Đề án được Chính phủ phê duyệt và triển khai, có thể đây sẽ là một cú huých mới, là bàn đạp vững chắc để sinh kế của người dân TĐC có thể phát triển bền vững.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2014a), *Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La - Báo cáo kết quả điều tra khảo sát thực địa huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La*, Hà Nội.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2014b), *Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La - Báo cáo tóm tắt tỉnh Sơn La*, Hà Nội.

3. Phạm Quang Hoan (Chủ biên) (2012), *Văn hóa các tộc người vùng lòng hồ và vùng tái định cư thủy điện Sơn La*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

4. Phạm Quang Linh (2015), “Hoạt động trồng trọt của người Thái tái định cư ở xã Chiềng Bằng, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La”, *Tap chí Dân tộc học*, Số 6, tr. 57-64.

5. Phạm Văn Lợi (2014), Báo cáo tổng hợp của đề tài *Nghiên cứu biến đổi điều kiện sống, đề xuất giải pháp ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội các cộng đồng cư dân khu vực tái định cư thủy điện Sơn La, tỉnh Sơn La*, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La, Sơn La.

6. Thủ tướng Chính phủ (2014), *Quyết định số 875/QĐ-TTg - Quyết định Phê duyệt danh mục các phụ lục thuộc quy hoạch tổng thể di dân tái định cư Dự án thủy điện Sơn La theo quyết định số 2009/QĐ-TTg ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ*, Hà Nội.

7. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 2009/QĐ-TTg - Quyết định Phê duyệt quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư Dự án thủy điện Sơn La*, Hà Nội.

8. Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Nhai (2016), *Báo cáo Tổng kết công tác di dân, tái định cư dự án thủy điện Sơn La - huyện Quỳnh Nhai*, Quỳnh Nhai.

9. Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La (2016), *Báo cáo Tổng kết dự án di dân, tái định cư thủy điện Sơn La*, tỉnh Sơn La.